

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV

BÁO CÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VÙNG QUAN TRẮC: Mỏ than Cọc Sáu thuộc Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV tại phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Thời gian quan trắc: Ngày 17 tháng 4 năm 2025; Từ ngày 13 tháng 5 năm 2025 đến ngày 14 tháng 5 năm 2025; Ngày 10 tháng 6 năm 2025

Cơ quan chủ trì:
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV

CƠ QUAN THỰC HIỆN
CÔNG TY CP TIN HỌC, CÔNG NGHỆ,
MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN
ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV
GIÁM ĐỐC

Quảng Ninh, tháng 6 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/918/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'45,4"

Vĩ độ: 21°01'32,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K1) Bến xe công nhân tập trung

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	28,5	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	84,7	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,85	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	64,5	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	36,4	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	46	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	42	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	<10	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	223	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số thuê nhà thầu phụ

(3): Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/919/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°20'29,2"

Vĩ độ: 21°02'07,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K2) Bãi thải Đông Cao Sơn

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	29,8	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	82,3	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	2,36	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	63,1	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	37,2	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	52	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	56	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	12	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	253	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vincerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/920/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°21'03,3"

Vĩ độ: 21°02'24,0"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K3) Bãi thải Khe Rẻ

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	30,4	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	77,8	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,98	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	66,5	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	34,8	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	63	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	60	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	14	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	260	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số thuê nhà thầu phụ

(3): Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/921/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°20'32,6"

Vĩ độ: 21°02'38,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K4) Bãi thải trong khai trường

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	31,7	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	75,3	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,54	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	67,9	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	40,3	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	69	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	64	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	16	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	267	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/922/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'55,5"

Vĩ độ: 21°02'43,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K5) Khu vực cầu thải số 1,2 - Sàng 1 (điểm băng tải)

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	30,8	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	76,2	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,05	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	68,2	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	42,2	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	71	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	68	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	15	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	283	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

(1): Thông số được công nhận Vincerts

(2): Thông số thuê nhà thầu phụ

(3): Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinhkiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/923/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'23,5"

Vĩ độ: 21°01'48,8"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K6) Khu vực sàng 1 (Công trường băng sàng)

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	32,6	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	72,1	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,49	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	69,1	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	41,5	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	83	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	76	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	18	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	289	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số thuê nhà thầu phụ

(3): Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/925/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'45,7"

Vĩ độ: 21°01'25,6"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K8) Khu vực cầu thải số 1,2,3 - Sàng 2 (điểm băng tải)

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	31,8	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	78,3	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,28	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	68,8	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	35,8	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	68	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	64	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	13	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	298	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Anh Minh

Đinh Văn Long

Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/926/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'35,6"

Vĩ độ: 21°01'37,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K9) Khu vực sàng 2 mới (điểm Quang Minh)

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	33,5	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	74,7	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,32	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	66,3	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	38,5	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	77	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	72	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	14	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	261	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QMTT

Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN

Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vincerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/927/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'39,6"

Vĩ độ: 21°01'32,4"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K10) Khu vực sàng 2 mới (điểm Hoàng Trường)

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	32,8	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	75,9	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,26	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	67,6	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	41,2	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	81	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	78	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	16	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	289	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QMTT

Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN

Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

(1): Thông số được công nhận Vincerts

(2): Thông số thuê nhà thầu phụ

(3): Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/928/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'31,6"

Vĩ độ: 21°00'58,6"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K11) Bunke rót than +30 sàng 1 (điểm băng tải)

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	33,1	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	70,2	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,84	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	68,5	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	44,7	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	86	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	79	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	19	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	292	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/929/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°20'31,4"

Vĩ độ: 21°00'49,6"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K12) Khu vực Ga B (điểm trên băng tải)

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	32,8	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	76,5	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,21	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	65,8	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	36,2	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	70	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	63	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	12	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	265	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm.



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/930/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'34,2"

Vĩ độ: 21°01'47,4"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K13) Sàng 19/5 Công trường than 2 (điểm băng tải)

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	31,7	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	82,3	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,03	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	69,5	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	34,1	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	76	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	67	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	14	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	278	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/931/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°20'06,2"

Vĩ độ: 21°00'54,6"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K14) Khu vực nhà khách (văn phòng Công ty)

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	32,6	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	80,7	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,46	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	51,1	70
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	<30	70
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	32	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	<40	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	<10	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	189	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;
- QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/932/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°20'04,9"

Vĩ độ: 21°00'51,4"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K15) Khu dân cư (phường Cẩm Phú)

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	31,5	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	79,2	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,19	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	58,3	70
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	<30	70
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	34	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	<40	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	<10	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	202	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;
- QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TIN HỌC, CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
VINACOMIN
HÀ NỘI

Nguyễn Hoàng Huân

(1): Thông số được công nhận Vincerts

(2): Thông số thuê nhà thầu phụ

(3): Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/933/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'56,1"

Vĩ độ: 21°01'20,6"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K16) Công trường khai thác Thăng Lợi

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	32,4	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	76,1	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,38	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	66,4	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	41,8	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	80	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	71	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	16	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	274	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46K/DNCS/2025/934/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-19/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'34,6"

Vĩ độ: 21°01'36,8"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K17) Đường vận chuyển than trong khai trường

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	33,3	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	73,4	-
3	Tốc độ gió ⁽¹⁾	VITE-HT-07	m/s	1,37	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	67,5	-
5	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	42,5	-
6	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	72	350
7	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
8	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	74	200
9	H ₂ S ⁽¹⁾	MASA 701	µg/Nm ³	15	42
10	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	265	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 39/DNCS/2025/783/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 17/4/2025

Ngày nhận mẫu: 17/4/2025

Thời gian phân tích: 17/4-28/4/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'36,9"

Vĩ độ: 21°01'08,0"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT1) Nước thải đầu vào trạm XLNT Cọc Sáu tháng 04

Loại nước: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCĐP 3:2020/QN (Cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	5,18	5,5÷9,0
2	Độ oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/L	3,2	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	55	68,4
4	Độ màu ⁽²⁾	TCVN 6185:2015	Pt-Co	49,2	102,6
5	Tổng Nitơ ⁽²⁾	TCVN 6638:2000	mg/L	<9	27,36
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0068
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,003	0,342
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0684
9	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0684
10	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	1,0773	0,684
11	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	1,353	3,42
12	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	11,8	34,2
13	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	20,1	102,6
14	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	5	5.000
15	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	1,7	6,84

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCDP 3:2020/QN (Cột B)
16	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,076	4,104

Ghi chú:

- QCDP 3:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Áp dụng tính C_{max} với K_f=0,8; K_q=0,9; K_{QN}=0,95);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QMTT

Lê Anh Minh



PHỤ TRÁCH TN



VILAS 588

Đình Văn Long

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
 Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 39/DNCS/2025/784/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 17/4/2025

Ngày nhận mẫu: 17/4/2025

Thời gian phân tích: 17/4-28/4/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'33,1"

Vĩ độ: 21°01'05,7"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT2) Nước thải đầu ra trạm XLNT Cọc Sáu tháng 04

Loại nước: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCĐP 3:2020/QN (Cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,71	5,5÷9,0
2	Độ oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/L	5,6	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	17	68,4
4	Độ màu ⁽²⁾	TCVN 6185:2015	Pt-Co	16,2	102,6
5	Tổng Nito ⁽²⁾	TCVN 6638:2000	mg/L	<9	27,36
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0068
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,003	0,342
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0684
9	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0684
10	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,684
11	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,077	3,42
12	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	5,9	34,2
13	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	10,5	102,6
14	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	<1	5.000
15	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	0,3	6,84

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết qư: phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCDP 3:2020/QN (Cột B)
16	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	<0,06	4,104

Ghi chú:

- QCDP 3:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Áp dụng tính C_{max} với K_f=0,8; K_q=0,9; K_{QN}=0,95);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QM



Lê Anh Minh



PHỤ TRÁCH TN

VILAS 588

Đình Văn Long

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
 Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TÍN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 39/DNCS/2025/785/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 17/4/2025

Ngày nhận mẫu: 17/4/2025

Thời gian phân tích: 17/4-28/4/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'33,1"

Vĩ độ: 21°01'05,7"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT2-ML) Nước thải đầu ra trạm XLNT Cọc Sáu tháng 04 (mẫu lập)

Loại nước: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCBP 3:2020/QN (Cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,84	5,5÷9,0
2	Độ oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/L	5,9	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	16	68,4
4	Độ màu ⁽²⁾	TCVN 6185:2015	Pt-Co	16,1	102,6
5	Tổng Nitơ ⁽²⁾	TCVN 6638:2000	mg/L	<9	27,36
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0068
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,003	0,342
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0684
9	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0684
10	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,684
11	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,074	3,42
12	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	5,7	34,2
13	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	9,7	102,6
14	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	<1	5.000
15	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	0,3	6,84

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C_{max} QCDP 3:2020/QN (Cột B)
16	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	<0,06	4,104

Ghi chú:

- QCDP 3:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Áp dụng tính C_{max} với $K_f=0,8$; $K_d=0,9$; $K_{QN}=0,95$);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QTVT

Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN

Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



Số: 46/DNCS/2025/910/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-28/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'36,9"

Vĩ độ: 21°01'08,0"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT1) Nước thải đầu vào trạm XLNT Cọc Sáu tháng 05

Loại nước: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCDP 3:2020/QN (Cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	5,26	5,5÷9,0
2	Độ oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/L	2,8	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	50	68,4
4	Độ màu ⁽²⁾	TCVN 6185:2015	Pt-Co	35,6	102,6
5	Tổng Nitơ ⁽²⁾	TCVN 6638:2000	mg/L	<9	27,36
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0068
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0163	0,342
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0684
9	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0684
10	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,6358	0,684
11	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	4,279	3,42
12	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	6,9	34,2
13	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	15,4	102,6
14	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	70	5.000
15	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	0,7	6,84

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCĐP 3:2020/QN (Cột B)
16	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,184	4,104

Ghi chú:

- QCĐP 3:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Áp dụng tính C_{max} với K_f=0,8; K_q=0,9; K_{QN}=0,95);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QTM

Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN



VILAS 588
Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
 Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46/DNCS/2025/911/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-28/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'33,1"

Vĩ độ: 21°01'05,7"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT2) Nước thải đầu ra trạm XLNT Cọc Sáu tháng 05

Loại nước: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCDP 3:2020/QN (Cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,74	5,5÷9,0
2	Độ oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/L	5,4	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	18	68,4
4	Độ màu ⁽²⁾	TCVN 6185:2015	Pt-Co	17,2	102,6
5	Tổng Nitơ ⁽²⁾	TCVN 6638:2000	mg/L	<9	27,36
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0068
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0121	0,342
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0684
9	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0684
10	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,1426	0,684
11	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,119	3,42
12	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	5,5	34,2
13	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	10,5	102,6
14	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	<1	5.000
15	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	0,4	6,84

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCĐP 3:2020/QN (Cột B)
16	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,12	4,104

Ghi chú:

- QCĐP 3:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Áp dụng tính C_{max} với K_f=0,8; K_q=0,9; K_{QN}=0,95);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH TMT

Lê Anh Minh



Đình Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46/DNCS/2025/912/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 13/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-28/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'33,1"

Vĩ độ: 21°01'05,7"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT2-ML) Nước thải đầu ra trạm XLNT Cọc Sáu tháng 05 (mẫu lập)

Loại nước: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCĐP 3:2020/QN (Cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,82	5,5÷9,0
2	Độ oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/L	5,7	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	19	68,4
4	Độ màu ⁽²⁾	TCVN 6185:2015	Pt-Co	17,1	102,6
5	Tổng Nitơ ⁽²⁾	TCVN 6638:2000	mg/L	<9	27,36
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0068
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0122	0,342
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0684
9	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0684
10	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,1458	0,684
11	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,113	3,42
12	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	5,2	34,2
13	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	9,7	102,6
14	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	<1	5.000
15	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	0,3	6,84

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCDP 3:2020/QN (Cột B)
16	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,118	4,104

Ghi chú:

- QCDP 3:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Áp dụng tính C_{max} với K_f=0,8; K_q=0,9; K_{QN}=0,95);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT



Lê Anh Minh



VILAS 588

Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



Số: 62/DNCS/2025/1323/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 10/6/2025

Ngày nhận mẫu: 10/6/2025

Thời gian phân tích: 10/6-24/6/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'36,9"

Vĩ độ: 21°01'08,0"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT1) Nước thải đầu vào trạm XLNT Cọc Sáu tháng 06

Loại nước: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCDP 3:2020/QN (Cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	4,85	5,5÷9,0
2	Độ oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/L	2,5	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	89	68,4
4	Độ màu ⁽²⁾	TCVN 6185:2015	Pt-Co	55,6	102,6
5	Tổng Nitơ ⁽²⁾	TCVN 6638:2000	mg/L	<9	27,36
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0068
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0116	0,342
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0684
9	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0684
10	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	1,5058	0,684
11	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	4,435	3,42
12	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	21,5	34,2
13	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	54,3	102,6
14	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	270	5.000
15	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	1,7	6,84

(1): Thông số được công nhận Vincerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vincerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCĐP 3:2020/QN (Cột B)
16	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	<0,06	4,104

Ghi chú:

- QCĐP 3:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Áp dụng tính C_{max} với K_f=0,8; K_q=0,9; K_{QN}=0,95);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTVT



Lê Anh Minh



VILAS 588

Đình Văn Long

PHỤ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 62/DNCS/2025/1324/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 10/6/2025

Ngày nhận mẫu: 10/6/2025

Thời gian phân tích: 10/6-24/6/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'33,1"

Vĩ độ: 21°01'05,7"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT2) Nước thải đầu ra trạm XLNT Cọc Sáu tháng 06

Loại nước: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCĐP 3:2020/QN (Cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	8,15	5,5÷9,0
2	Độ oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/L	5,7	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	<10	68,4
4	Độ màu ⁽²⁾	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<15	102,6
5	Tổng Nitơ ⁽²⁾	TCVN 6638:2000	mg/L	<9	27,36
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0068
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0078	0,342
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0684
9	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0684
10	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,0983	0,684
11	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,06	3,42
12	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	<3	34,2
13	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	<9	102,6
14	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	<1	5.000
15	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	<0,3	6,84

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

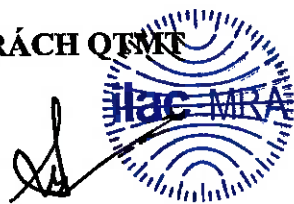
TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCDP 3:2020/QN (Cột B)
16	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	<0,06	4,104

Ghi chú:

- QCDP 3:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Áp dụng tính C_{max} với K_f=0,8; K_q=0,9; K_{QN}=0,95);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QTVT



Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN



VILAS 588

Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 62/DNCS/2025/1325/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 10/6/2025

Ngày nhận mẫu: 10/6/2025

Thời gian phân tích: 10/6-24/6/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'33,1"

Vĩ độ: 21°01'05,7"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT2-ML) Nước thải đầu ra trạm XLNT Cọc Sáu tháng 06 (mẫu lập)

Loại nước: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCDP 3:2020/QN (Cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	8,19	5,5÷9,0
2	Độ oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/L	5,9	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	<10	68,4
4	Độ màu ⁽²⁾	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<15	102,6
5	Tổng Nitơ ⁽²⁾	TCVN 6638:2000	mg/L	<9	27,36
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0068
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0079	0,342
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0684
9	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0684
10	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,0975	0,684
11	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,06	3,42
12	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	<3	34,2
13	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	<9	102,6
14	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	<1	5.000
15	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	<0,3	6,84

(1): Thông số được công nhận Vimecerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vimecerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghienvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} QCĐP 3:2020/QN (Cột B)
16	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	<0,06	4,104

Ghi chú:

- QCĐP 3:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Áp dụng tính C_{max} với K_f=0,8; K_q=0,9; K_{QN}=0,95);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QTMT



Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN



VILAS 588
Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46/DNCS/2025/913/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-28/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'33,3"

Vĩ độ: 21°00'59,4"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NM1) Suối Hóa Chất

Loại mẫu: Nước mặt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT (mức C)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,82	6,0 ÷ 8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/L	4,1	≥4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	28	>100 và không có rác nổi
4	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N) ⁽²⁾	TCVN 6178:1996	mg/L	0,029	0,05
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N) ⁽²⁾	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,285	0,3
6	Thủy ngân (Hg) ⁽²⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
7	Chì (Pb) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0126	0,02
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0011	0,005
9	Asen (As) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,01
10	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,464	0,5
11	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	9,2	≤10
12	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2013	mg/L	18,6	≤20
13	Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	<3	≤7.500

Ghi chú: QCVN 08:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

PHỤ TRÁCH QM/T



Lê Anh Minh



VILAS 588

Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46/DNCS/2025/914/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-28/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°21'22,8"

Vĩ độ: 21°02'11,0"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NM2) Suối Khe Rẻ (Chân cầu - QL18)

Loại mẫu: Nước mặt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT (mức C)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,05	6,0 ÷ 8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/L	5,2	≥4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	17	>100 và không có rác nổi
4	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N) ⁽²⁾	TCVN 6178:1996	mg/L	0,011	0,05
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N) ⁽²⁾	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,09	0,3
6	Thủy ngân (Hg) ⁽²⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
7	Chì (Pb) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0174	0,02
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,005
9	Asen (As) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,01
10	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,181	0,5
11	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	5,9	≤10
12	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2013	mg/L	11,4	≤20
13	Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	<3	≤7.500

Ghi chú: QCVN 08:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

PHỤ TRÁCH QCVN



Lê Anh Minh



Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46/DNCS/2025/915/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-28/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°20'04,5"

Vĩ độ: 21°00'50,4"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NN1) Giếng nước nhà dân (Phường Cẩm Phú)

Loại mẫu: Nước ngầm

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,97	5,8 ÷ 8,5
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽¹⁾	VITE-HT-01	mg/L	104	1.500
3	Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130B:2023	NTU	2,5	-
4	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) ⁽²⁾	TCVN 6224:1996	mg/L	290,3	500
5	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N) ⁽²⁾	TCVN 6178:1996	mg/L	<0,006	1
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N) ⁽²⁾	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,09	1
7	Thủy ngân (Hg) ⁽²⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
8	Chì (Pb) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0082	0,01
9	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,005
10	Asen (As) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,05
11	Mangan (Mn) ⁽²⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,5
12	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,06	5
13	Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN/100mL	<3	3

Ghi chú:

- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QCVN



Lê Anh Minh



Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46/DNCS/2025/916/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-28/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'55,6"

Vĩ độ: 21°01'21,2"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NSH1) Nước sinh hoạt văn phòng Thăng Lợi

Loại mẫu: Nước sinh hoạt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018 /BYT
1	pH ⁽²⁾	TCVN 6492:2011	-	7,02	6,0 ÷ 8,5
2	Oxy hòa tan (DO) ⁽²⁾	TCVN 7325:2016	mg/L	7,3	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	<10	-
4	Tổng Nitơ ⁽²⁾	SMEWW 4500-N.C:2023	mg/L	<0,15	-
5	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
6	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,003	0,01
7	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,003
8	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,01
9	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,1
10	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽¹⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	<3	-
11	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽¹⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	<9	-
12	E-coli ⁽²⁾	SMEWW 9222B&H:2023	CFU /100mL	<1	<1
13	Tổng Photpho ⁽¹⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,137	-

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTVT



Lê Anh Minh



VILAS 588

Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vilas

⁽²⁾: Thông số tự thực hiện

⁽³⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm khi không được sự cho phép của Tổ Thí nghiệm - Phòng Môi trường



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46D/DNCS/2025/935/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-28/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°20'32,6"

Vĩ độ: 21°02'38,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-Đ1) Đất ngoài dự án (Khu vực Phường Mông Dương)

Loại mẫu: Đất

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/ BTNMT (Loại 3)
1	pH ($H_2O;KCl$) ⁽¹⁾	TCVN 5979:2021	-	6,61	-
2	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	mg/kg	1,29	60
3	Đồng (Cu) ⁽¹⁾	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	mg/kg	12,72	2.000
4	Chì (Pb) ⁽¹⁾	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	mg/kg	11,74	700
5	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	mg/kg	16,74	2.000
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7471B	mg/kg	<0,15	60
7	Độ ẩm ⁽¹⁾	TCVN 4048: 2011	%	10,39	-
8	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	TCVN 6498:1999	mg/kg	<30	-
9	P ₂ O ₅ ⁽³⁾	TCVN 8940:2011	mg/kg	<22,9	-
10	K ₂ O ⁽³⁾	TCVN 8660:2011	mg/kg	<18,1	-

Ghi chú:

- QCVN 03:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTMT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Anh Minh

Đinh Văn Long

Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vincerts

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 46D/DNCS/2025/936/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 14/5/2025

Ngày nhận mẫu: 14/5/2025

Thời gian phân tích: 14/5-28/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°20'29,2"

Vĩ độ: 21°02'07,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-Đ2) Đất trong dự án (Bãi thải Đông Cao Sơn)

Loại mẫu: Đất

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/ BTNMT (Loại 3)
1	pH _(H₂O;KCl) ⁽¹⁾	TCVN 5979:2021	-	6,79	-
2	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	mg/kg	1,12	60
3	Đồng (Cu) ⁽¹⁾	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	mg/kg	15,44	2.000
4	Chì (Pb) ⁽¹⁾	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	mg/kg	16,45	700
5	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	mg/kg	17,29	2.000
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7471B	mg/kg	<0,15	60
7	Độ ẩm ⁽¹⁾	TCVN 4048: 2011	%	12,78	-
8	Tổng Nito ⁽¹⁾	TCVN 6498:1999	mg/kg	<30	-
9	P ₂ O ₅ ⁽³⁾	TCVN 8940:2011	mg/kg	<22,9	-
10	K ₂ O ⁽³⁾	TCVN 8660:2011	mg/kg	<18,1	-

Ghi chú:

- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTMT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Anh Minh

Đinh Văn Long

Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Không được sao chép kết quả thử nghiệm